

Số: 553/ĐHBK-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hủy hiệu lực Quyết định số 321/ĐHBK-ĐT ngày 22/02/2017 và sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo và học vụ bậc đại học, cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 3502/ĐHBK-ĐT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc Gia Tp.HCM

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc Gia Tp.HCM ban hành kèm theo Quyết định số 767/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 12/9/2006 và Quyết định số 803/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 16/7/2009 của Giám Đốc Đại học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Điều 15 Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách Khoa;

Theo đề nghị của Hội đồng học vụ trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy hiệu lực Quyết định số 321/ĐHBK-ĐT ngày 22 tháng 02 năm 2017 và sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo và học vụ bậc đại học, cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 3502/ĐHBK-ĐT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc Gia Tp.HCM, như sau:

1. Đoạn 3 khoản 2 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Các điểm thành phần của môn học bao gồm điểm bài tập, điểm kiểm tra, điểm thí nghiệm (đối với môn học có thí nghiệm), điểm bài tập lớn/đồ án (đối với môn học có bài tập lớn/đồ án) và điểm thi/bảo vệ cuối kỳ. Điểm thành phần và tỉ lệ đánh giá được quy định theo đề cương môn học; Phải có ít nhất hai điểm thành phần ngoại trừ điểm thí nghiệm và điểm bài tập lớn/đồ án; Tổng tỉ lệ đánh giá cho phần thi/bảo vệ cuối kỳ và bài tập lớn/đồ án không nhỏ hơn 50%. Các trường hợp đặc biệt phải được Hiệu trưởng xem xét và quyết định.

Kết quả môn học được đánh giá bằng điểm tổng kết môn học, điểm này được tính từ các điểm thành phần theo tỉ lệ đánh giá tương ứng được quy định trong đề cương môn học. Trường hợp điểm thi cuối kỳ và/hoặc điểm thí nghiệm (nếu có) nhỏ hơn 3 thì điểm tổng kết chính thức được tính là điểm nhỏ nhất trong các điểm: điểm thi cuối kỳ, điểm thí nghiệm và điểm tổng kết tính từ tất cả các điểm thành phần theo tỉ lệ đánh giá.

Các điểm thành phần được làm tròn đến 0,1 và điểm tổng kết môn học được làm tròn đến 0,5 (điểm lẻ dưới 0,25 được làm tròn thành 0,0; điểm lẻ từ 0,25 đến dưới 0,75 được làm tròn thành 0,5; điểm lẻ từ 0,75 đến dưới 1,0 được làm tròn thành 1,0)."

2. Khoản 4 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5.4 Thời gian đào tạo tối đa

- Thời gian đào tạo tối đa N_{max} là số học kỳ chính tối đa để SV có thể theo học tại trường ĐHBK để hoàn thành CTGD (xem Bảng 1). Thời điểm bắt đầu được tính từ thời điểm SV nhập học, riêng đối với các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh thì tính từ thời điểm SV đạt chuẩn tiếng Anh đầu vào (nhưng không quá một năm tính từ thời điểm nhập học).

- Các học kỳ được phép tạm dừng học, các học kỳ đã học ở trường khác trước khi chuyển về trường ĐHBK đều được tính vào tổng thời gian đào tạo.

Bảng 1. Thời gian đào tạo

Loại hình đào tạo	Nkh	Nhkc	Nmax	Ghi chú
Đại học chính quy (bảng 1)	8	9	13	Từ K.2014 (Riêng CT Tiên tiến từ K.2009)
	9	10	14	Từ K.2009 đến K.2013
	9	11	15	Riêng ngành Kiến trúc từ K.2014
	10	12	16	Riêng ngành Kiến trúc từ K.2010 đến K.2013
	10	12	16	Chương trình đào tạo Kỹ sư Chất lượng cao PFIEV
Đại học (Liên kết quốc tế)	4	5	7	
Đại học chính quy bảng 2		6	10	
		7	11	Riêng ngành Xây dựng
Đại học chính quy liên thông	4	5	8	
Đại học VLVH	9	10	20	
Đại học ĐTTXa	9	10	20	
Cao đẳng	6	7	10	

3. Gạch đầu dòng thứ hai khoản 5 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"- Các trường hợp sau được kéo dài thời gian đào tạo tối đa một học kỳ:

- o SV là người nước ngoài;
- o SV được hưởng ưu tiên theo đối tượng (nhóm ưu tiên 1 và 2) hoặc hưởng ưu tiên theo khu vực 01 được quy định trong quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng chính quy hiện hành;
- o SV liên kết quốc tế đã có Thư đồng ý tiếp nhận của trường liên kết
- o SV là người khuyết tật
- o SV thỏa điều kiện xét tốt nghiệp về việc hoàn thành CTGD (số TCTLN và điểm TBTLN) nhưng chưa đủ các điều kiện khác để xét tốt nghiệp (chuẩn tiếng Anh, công tác xã hội) được kéo dài thời gian đào tạo tối đa một học kỳ để SV bổ sung các điều kiện để được xét tốt nghiệp (không được đăng ký môn học trong thời gian kéo dài này).
- o Các trường hợp đặc biệt khác do Hiệu trưởng xem xét quyết định."

4. Hàng cuối cùng của Điều 25 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Riêng đối với các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, chỉ xét cảnh báo học vụ từ thời điểm SV đạt chuẩn tiếng Anh đầu vào.

5. Điều 30 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 30. Chuyển ngành/chuyển chương trình

SV được phép chuyển ngành/nhóm ngành, chuyển chương trình nếu thỏa các điều kiện sau:

a) Điểm trúng tuyển: Có điểm tuyển sinh đạt điểm trúng tuyển của ngành/nhóm ngành chuyển đến hoặc đã trúng tuyển diện tuyển thẳng;

b) Chuyển ngành/nhóm ngành: chỉ áp dụng cho chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao, Liên kết quốc tế;

c) Chuyển chương trình:

- Chuyển từ chương trình đại trà đến chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao, Liên kết quốc tế: phải đạt tối thiểu IELTS 6.0 hoặc tương đương;
- Chuyển từ chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao đến chương trình đại trà: phải đúng ngành/nhóm ngành đã trúng tuyển;
- Không chuyển từ chương trình Liên kết quốc tế đến các chương trình chính quy (đại trà, Tiên tiến, Chất lượng cao) trừ trường hợp đã trúng tuyển chương trình chính quy;

d) Thời hạn xét chuyển: Chỉ xét chuyển một lần vào cuối năm nhất kể từ khi nhập học (riêng trường hợp chuyển đến chương trình Liên kết quốc tế thì không quy định thời gian xét chuyển);

e) Chỉ tiêu xét chuyển: Số SV chuyển chưa vượt quá 10% chỉ tiêu tuyển sinh của ngành/nhóm ngành (tính theo số nhỏ hơn giữa ngành gốc và ngành chuyển đến).

VPĐTQT chuyển thông tin đến PĐT và PĐT trình Hiệu trưởng quyết định chuyển ngành/nhóm ngành, chuyển chương trình vào cuối năm học thứ nhất để thực hiện vào đầu năm thứ hai.

Các trường hợp đặc biệt sẽ do Hiệu trưởng quyết định.”

6. Phụ lục 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Phụ lục 1: Quy định về ngoại ngữ (áp dụng cho các chương trình giảng dạy bằng tiếng Việt)

1. Kiểm tra trình độ tiếng Anh khi nhập học

- SV phải dự kiểm tra trình độ tiếng Anh (theo định dạng TOEIC) do PĐT tổ chức sau khi nhập học để xếp lớp Anh văn phù hợp với trình độ (không được hủy hoặc rút môn học), nếu đạt kết quả cao sẽ được xét miễn học và ghi điểm miễn.

- Các SV đã có chứng chỉ Anh văn (CCAV) đạt yêu cầu có thể không tham dự kỳ kiểm tra và được đăng ký chuyển điểm cho các môn Anh văn vào cuối mỗi học kỳ (xem mục 5).

- Các SV không tham dự sẽ không được xếp TKB các môn Anh văn nhưng vẫn được xếp TKB các môn học khác theo chương trình đào tạo.

- SV phải đạt chuẩn tiếng Anh trong quá trình học (xem mục 2).

Cách xếp lớp Anh văn

Điểm kiểm tra	Xếp lớp	Miễn học và ghi điểm miễn
< 300	Anh văn cơ bản	
300 – 345	Anh văn 1	
350 – 395	Anh văn 2	Anh văn 1
400 – 445	Anh văn 3	Anh văn 1, 2
450 – 495	Anh văn 4	Anh văn 1, 2, 3
≥ 500		Anh văn 1, 2, 3, 4

2. Chuẩn tiếng Anh trong quá trình học:

a) SV phải đạt các chuẩn tiếng Anh sau mỗi năm học

Áp dụng từ khóa 2015 trở về trước:

Bậc, hệ đào tạo	Chuẩn tiếng Anh sau năm 2
Đại học chính quy (CT đại trà; CT Kỹ sư tài năng)	250
Cao đẳng chính quy	250
Đại học VLVH, ĐTTXa	250

Áp dụng từ khóa 2016 trở về sau:

Bậc, hệ đào tạo	Chuẩn tiếng Anh sau năm 1	Chuẩn tiếng Anh sau năm 2	Chuẩn tiếng Anh sau năm 3
Đại học chính quy (CT đại trà; CT Kỹ sư tài năng)	250	350	400
Cao đẳng chính quy	250	300	-
Đại học VLVH, ĐTTXa	-	250	300

Các mức điểm trong bảng trên là điểm tối thiểu phải đạt từ kết quả kỳ kiểm tra trình độ tiếng Anh khi nhập học, kỳ kiểm tra tiếng Anh định kỳ (theo định dạng TOEIC) do PĐT tổ chức, chứng chỉ TOEIC (Listening & Reading) hoặc các chứng chỉ tương đương khác được quy định tại mục 4. Riêng hệ VLVH, ĐTTXa thì còn chấp nhận kết quả các môn Anh văn (AV250, AV300, ...) do PĐT tổ chức.

- SV đăng ký nộp chứng chỉ tiếng Anh (xem mục 4) hoặc tham dự kiểm tra trình độ tiếng Anh (theo định dạng TOEIC) do PĐT tổ chức mỗi học kỳ để xác định trình độ tiếng Anh của SV (*Xem hướng dẫn cách đăng ký nộp chứng chỉ ngoại ngữ và cách đăng ký tham dự trình độ tiếng Anh trên trang web PĐT*).

- Điều kiện để được đăng ký môn học thuộc CTĐT năm 2, 3, 4 (trừ các môn đại cương, chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng): SV phải đạt chuẩn tiếng Anh sau năm 1, 2, 3 (trùng ứng).

- Riêng SV Lào và Campuchia, không có yêu cầu về chuẩn ngoại ngữ trong quá trình học nhưng vẫn phải hoàn thành các môn Anh văn có trong chương trình đào tạo.

b) SV phải hoàn thành các môn Anh văn trong CTĐT theo tiến độ

- SV sẽ được xếp lớp bắt buộc các môn Anh văn trong CTĐT theo tiến độ nếu chưa đạt, không được hủy hoặc rút môn học.

- Riêng trường hợp SV đã có điểm kiểm tra trình độ tiếng Anh định kỳ hoặc đã đăng ký nộp chứng chỉ TOEIC (Listening & Reading) hoặc các chứng chỉ tương đương khác được quy định tại mục 4 thì miễn xếp lớp bắt buộc:

Môn được miễn xếp lớp bắt buộc	Điều kiện miễn xếp lớp bắt buộc	
	Môn AV đã đạt	Điểm kiểm tra, CC TOEIC (Listening & Reading) hoặc CC tương đương
Anh văn cơ bản	Anh văn cơ bản	300 – 345
Anh văn 1	Anh văn 1	350 – 395
Anh văn 2	Anh văn 2	400 – 445
Anh văn 3	Anh văn 3	450 – 495
Anh văn 4	Anh văn 4	≥ 500

3. Chuẩn tiếng Anh khi nhận Luận văn tốt nghiệp (LVTN) và khi tốt nghiệp

- SV phải có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh quốc tế (TOEIC, TOEFL iBT, TOEFL ITP, IELTS, BULATS, KET, PET, FCE, CAE) hoặc chứng chỉ VNU-EPT đạt chuẩn để đủ điều kiện nhận LVTN và xét tốt nghiệp.

Bậc, hệ đào tạo	Chuẩn tiếng Anh nhận LVTN	Chuẩn tiếng Anh xét tốt nghiệp
Đại học chính quy (CT đại trà)	450	450 (từ K.2009 đến K.2014) 500 (từ K.2015 trở đi)
Đại học chính quy (CT Kỹ sư tài năng)	450	450 (K.2009, K.2010) 500 (K.2011, K.2012) 550 (từ K.2013 trở đi)
Cao đẳng chính quy	350	400
Đại học VLVH, ĐTTXa	350	400

Các mức điểm trong bảng trên là điểm tối thiểu phải đạt từ chứng chỉ TOEIC (Listening & Reading) hoặc các chứng chỉ tương đương khác được quy định tại mục 4.

- Riêng việc xét tốt nghiệp đối với hệ đại học chính quy từ khóa 2013 trở đi, theo quy định của Đại học Quốc gia TP.HCM **chuẩn tiếng Anh xét tốt nghiệp dựa trên 4 kỹ năng** (Reading, Listening, Speaking, Writing):

+ Các chứng chỉ 4 kỹ năng được chấp nhận: TOEFL iBT, IELTS, KET, PET, FCE, CAE, VNU-EPT

+ Các chứng chỉ 2 kỹ năng (Listening & Reading) TOEIC, TOEFL ITP, BULATS được chấp nhận với điều kiện phải đạt thêm một trong các chứng chỉ sau:

* Chứng chỉ Speaking & Writing (với mức Đạt) của Trung tâm Ngoại ngữ của Trường Đại học Bách Khoa (áp dụng từ khóa 2013 đến khóa 2015)

* Chứng chỉ TOEIC Speaking & Writing với mức điểm tối thiểu là 200

* Chứng chỉ BULATS Speaking & Writing với mức điểm tối thiểu là 6.0

- Riêng hệ VLVH, ĐTTXa thì còn chấp nhận kết quả kỳ kiểm tra trình độ tiếng Anh (theo định hướng TOEIC) hoặc môn Anh văn (AV350, AV400, ...) do PĐT tổ chức.

- Các sinh viên đã tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh được xem là đạt chuẩn tiếng Anh để xét nhận LVTN và xét tốt nghiệp. Các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

- Các chương trình đào tạo đặc biệt (PFIEV, Tiên tiến, Chất lượng cao, ...) có thêm các quy định riêng về ngoại ngữ. Riêng SV Lào và Campuchia, không có yêu cầu về chuẩn ngoại ngữ khi tốt nghiệp (theo công văn 7500/BGDĐT-GDĐH ngày 15/10/2013).

4. Chuyển điểm các môn ngoại ngữ và bảng quy đổi tương đương các chứng chỉ

SV đạt yêu cầu được đăng ký chuyển điểm các môn Anh văn, Pháp văn như sau (*xem hướng dẫn cách đăng ký nộp chứng chỉ ngoại ngữ và cách đăng ký chuyển điểm cho các môn ngoại ngữ trên trang web PĐT*).

a) Các môn Anh văn:

- Bảng quy đổi tương đương và chuyển điểm áp dụng từ HK1/2016-2017

Các chứng chỉ Anh văn quốc tế									VNU-EPT	Các môn Anh văn				
TOEIC Listening & Reading	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	BULATS	KET	PET	FCE	CAE		AV1	AV2	AV3	AV4	
300	400	32	3.0	20										
310	403	32	/	22										
320	407	33	/	24										
330	410	34	/	26										
340	413	34	/	28										
350	417	35	3.5	30	Pass	Level B1								
360	420	36	/	31										
370	420	37	/	32										
380	423	38	/	33										
390	430	39	/	34										
400	433	40	4.0	35	Pass with Merit									
410	437	41	/	36										
420	440	42	/	37										
430	443	43	/	38										
440	447	44	/	39										
450	450	45	4.5	40	Pass	Grade C	Level B2							
465	457	47	/	44										
480	463	49	/	46										
500	467	50	5.0	50	Pass with Merit									
525	477	53	/	53										
550	483	55	/	55	Pass with Distinction									
575	490	57	/	57										
600	500	61	5.5	60										
625	510	64	/	62										
650	517	67	/	64										
700	523	70	6.0	65										

- Bảng quy đổi tương đương và chuyển điểm áp dụng từ HK1/2017-2018

Các chứng chỉ Anh văn quốc tế									VNU-EPT	Các môn Anh văn			
TOEIC Listening & Reading	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	BULATS	KET	PET	FCE	CAE		AV1	AV2	AV3	AV4
350	417	35	3.0	30	Merit					5			
360	420	36		31						5.5			
370	423	37		32						6			
380	427	38		33						6.5			
390	430	39		34						7			
400	433	40	3.5	35						7.5	5		
410	440	42		36						8	5.5		
420	447	44		37						8.5	6		
430	453	46		38						9	6.5		
440	460	48		39						9.5	7		
450	463	50	4.0	40	Distinction	Pass	Level B1		218	10	7.5	5	
460	467	51		42						10	8	5.5	
470	470	52		44						10	8.5	6	
480	473	53		45						10	9	6.5	
490	477	54		46						10	9.5	7	
500	480	55	4.5	47		Merit			234	10	10	7.5	5
525	490	57		49						10	10	8	5.5
550	497	59		51					250	10	10	8.5	6
575	500	61		53						10	10	9	6.5
600	510	64	5.0	54					260	10	10	9.5	7
620	517	66		56						10	10	10	7.5
630	520	68		58						10	10	10	8
640	523	69		60						10	10	10	8.5
650	527	70	5.5	62		Distinction	Grade C	Level B2	270	10	10	10	9
675	537	75		64						10	10	10	9.5
700	550	79	6.0	67			Grade B; Grade A	Grade C; Grade B; Grade A;	280	10	10	10	10

- Trường hợp đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành tiếng Anh

Các sinh viên đã tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh được miễn và chuyển điểm 10 cho 4 môn Anh văn.

b) Các môn Pháp văn:

- + DELF B1, B2: quy đổi 10 điểm cho các môn Pháp văn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7
- + DELF A2: quy đổi 10 điểm cho các môn Pháp văn 1, 2
- + Tú tài Pháp: quy đổi 10 điểm cho các môn Pháp văn 1, 2

Các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Hiệu trưởng quyết định."

7. Phụ lục 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Phụ lục 2: Quy định về tiếng Anh (áp dụng cho các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh)

1. Kiểm tra trình độ tiếng Anh khi nhập học

- SV phải dự kiểm tra trình độ tiếng Anh (theo định dạng IELTS) do VPĐTQT tổ chức khi

nhập học để xếp lớp tiếng Anh.

- Các SV tham dự sẽ được xếp TKB môn Anh văn phù hợp với trình độ (không được hủy hoặc rút môn học) và nếu đạt kết quả cao sẽ được xét miễn học và ghi điểm miễn.

- Các SV đã đạt chuẩn tiếng Anh (xem mục 2) được miễn kiểm tra, được miễn học các môn Anh văn tăng cường 1, 2, 3, 4 và được đăng ký chuyển điểm cho các môn Anh văn này vào cuối mỗi học kỳ (xem mục 3).

Cách xếp lớp Anh văn

Điểm kiểm tra khi nhập học	Xếp lớp	Miễn học
≤ 2.5	Anh văn tăng cường 1	
3.0 - 4.0	Anh văn tăng cường 2	Anh văn tăng cường 1
4.5	Anh văn tăng cường 3	Anh văn tăng cường 1, 2
5.0 - 5.5	Anh văn tăng cường 4	Anh văn tăng cường 1, 2, 3
≥ 6.0	Không	Anh văn tăng cường 1, 2, 3, 4

2. Chuẩn tiếng Anh

a) Chuẩn tiếng Anh đầu vào:

Chuẩn tiếng Anh	Kỳ kiểm tra (định dạng IELTS)	Môn Anh văn tăng cường 3	Môn Anh văn tăng cường 4
Chuẩn tiếng Anh đầu vào	6.0	7.0	5.0

Các mức điểm trong bảng trên là điểm tối thiểu phải đạt

- SV phải đạt chuẩn tiếng Anh đầu vào để đăng ký các môn học thuộc CTĐT năm 1 và năm 2 (trừ các môn giảng dạy bằng tiếng Việt).

- Sau hai năm tính từ khi nhập học, các SV không chuẩn tiếng Anh đầu vào sẽ bị buộc thôi học.

- Trường hợp tạm dừng học, SV thực hiện theo quy chế và phải đạt chuẩn tiếng Anh chính thức để được thu nhận lại.

b) Chuẩn tiếng Anh chính thức:

Chuẩn tiếng Anh	IELTS	TOEFL iBT	TOEIC (*)
Chuẩn tiếng Anh chính thức	6.0	79	700

Các mức điểm trong bảng trên là điểm tối thiểu phải đạt

() Chứng chỉ TOEIC chỉ áp dụng từ khóa 2014 trở về trước*

- SV đã đạt chuẩn tiếng Anh chính thức được xem như đạt chuẩn tiếng Anh đầu vào và đạt chuẩn tiếng Anh xét tốt nghiệp (xem hướng dẫn cách đăng ký nộp chứng chỉ ngoại ngữ trên trang web PDT).

- SV phải đạt chuẩn tiếng Anh chính thức sau 4 học kỳ (trước đợt đăng ký môn học cho học kỳ thứ 5) để đăng ký các môn học thuộc CTĐT từ năm 3, nếu không thì SV chỉ được đăng ký các môn học thuộc CTĐT năm 1, 2 và các môn giảng dạy bằng tiếng Việt.

- Sau 6 học kỳ (trước đợt đăng ký môn học cho học kỳ thứ 7) các SV không chuẩn tiếng Anh

chính thức sẽ bị tạm dừng, thời gian tạm dừng tối đa một năm. Để được thu nhận lại, SV phải đạt chuẩn tiếng Anh chính thức.

- Sau 8 học kỳ (trước đợt đăng ký môn học cho học kỳ thứ 9) các SV không chuẩn tiếng Anh chính thức sẽ bị buộc thôi học.

3. Chuyển điểm cho các môn Anh văn

SV có các chứng chỉ Anh văn đạt yêu cầu sẽ được đăng ký chuyển điểm các môn Anh văn tăng cường như sau (*xem hướng dẫn cách đăng ký nộp chứng chỉ ngoại ngữ và cách đăng ký chuyển điểm cho các môn ngoại ngữ trên trang web PĐT*).

Các CC Anh văn quốc tế			Các môn AV tăng cường			
IELTS	TOEFL iBT	TOEIC (*)	AVTC1	AVTC2	AVTC3	AVTC4
6.0	79	700	10	10	7.5	6.5
6.5	93	740	10	10	10	7.5
7.0	101	780	10	10	10	10

*Các mức điểm trong bảng trên là điểm tối thiểu phải đạt
(*) Chứng chỉ TOEIC chỉ áp dụng từ khóa 2014 trở về trước*

4. Chương trình Liên kết quốc tế:

Sinh viên cần xem thêm qui định chuẩn tiếng Anh để chuyển tiếp theo yêu cầu của Đại học đối tác."

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ học kỳ 2 năm học 2016-2017.

Điều 3. Trưởng các phòng ban, Trưởng khoa, Giám đốc trung tâm đào tạo và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- + Các đơn vị (trường ĐHBK)
- + ĐHQG Tp.HCM (để báo cáo)
- + Lưu (VT, PĐT)

GS. TS Vũ Đình Thành